TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/DS-ST
Ngày: 15-8-2022
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Ánh Sửu.

Ông Hoàng Tuyển.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Việt Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Hồ Quang Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2022, tại Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2022/TLST-DS ngày 20/4/2022 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-DS ngày 11/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-DS ngày 28/7/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Minh T, sinh năm 1961 và bà Tạ Thị Thu T1, sinh năm 1972; Cùng địa chỉ: Thôn 11, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị V, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn 2B, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1 trình bày:* Trong ngày 21/9/2020, vợ chồng tôi có cho bà Lê Thị V vay tổng số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), cụ thể: Lần 1: Vay 300.000.000 đồng; Lần 2: Vay 250.000.000 đồng; Lần 3: Vay 50.000.000 đồng. Thời hạn vay là 10 ngày (tức ngày 30/9/2020 sẽ trả), do chỗ quen biết nên khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay theo như bà V nói là để đáo hạn ngân hàng. Sau khi lập giấy vay, vợ chồng tôi giao tiền mặt cho bà V tại nhà của vợ chồng tôi, thời điểm vay chỉ có vợ chồng tôi và bà V nên không có ai chứng kiến việc vay mượn. Đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng bà Lê Thị V không trả cho vợ chồng tôi. Mặc dù, vợ chồng tôi đã yêu cầu bà V trả nợ nhiều lần nhưng bà V không trả mà cố tình trốn tránh. Vì vậy, vợ chồng tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà V phải trả cho vợ chồng tôi số tiền vay gốc là 600.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng kể từ ngày 01/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận: Sau khi vay bị đơn đã trả cho nguyên đơn 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) tiền gốc, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc và rút một phần yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu Tòa án tính lãi theo mức 0,83%/tháng đối với số tiền gốc 530.000.000 đồng kể từ 01/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo*:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là: 530.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật; đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc và một phần yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" nên Tòa án huyện Ea H'leo thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ, nơi cư trú của bị đơn trong các hợp đồng vay mà bị đơn ký kết, tuy nhiên bị đơn đã bỏ đi khỏi địa phương. Theo biên bản xác minh tại Công an xã E, huyện H ngày 15/6/2022 xác định bà Lê Thị V, sinh năm 1976 có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn 2B, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, nhưng hiện tại bà V không có mặt địa phương, không rõ nơi ở hiện tại của bà V cũng như thời điểm trở về.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị đơn bà Lê Thị V thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong các hợp đồng vay đã ký kết mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn; Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn vắng tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Mặc dù không ghi nhận ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số: 94/KL-KTHS ngày 15/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên "Lê Thị V" dưới mục BÊN VAY trên mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết họ tên "Lê Thị V" dưới mục BÊN THẾ CHẤP trên mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Vậy, có đủ căn cứ pháp lý xác định ngày 21/9/2020, vợ chồng ông T, bà T1 có cho bà Lê Thị V vay tổng số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), cụ thể: Lần 1: Vay 300.000.000 đồng; Lần 2: Vay 250.000.000 đồng; Lần 3: Vay 50.000.000 đồng. Thời hạn vay là 10 ngày (tức ngày 30/9/2020 sẽ trả). Như vậy, giữa các bên đã xác lập "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn thừa nhận sau khi vay bị đơn đã trả cho nguyên đơn 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) tiền gốc nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 530.000.000 đồng tiền gốc.

Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng, đến hạn trả nợ nhưng bà V không thực hiện đúng cam kết trả nợ là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là: 530.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi triệu đồng).

Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức 1,66%/tháng kể từ 01/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án tính lãi theo mức 0,83%/tháng kể từ 01/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Lãi suất được tính cụ thể như sau: Từ ngày 01/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/8/2022) là 01 năm 10 tháng 14 ngày x 530.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 98.831.000 đồng.

Như vậy, tổng số nợ bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 628.831.000 đồng (Sáu trăm hai tám triệu tám trăm ba mốt ngàn đồng). Trong đó, tiền gốc: 530.000.000 đồng; tiền lãi: 98.831.000 đồng.

[4]. Về chi phí giám định: Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 5.100.000 đồng. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí giám định nên cần buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 5.100.000 đồng chi phí trưng cầu giám định.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: 20.000. 000 đồng + (4% x 228.831.000đồng) = 29.153.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 26, Điều 91, điểm c khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 192, khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 325, Điều 463 và khoản 1 Điều 466, Điều 268 của Bộ luật dân sự; Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 5 Nghị

quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1.

1. Buộc bà Lê Thị V phải trả cho ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1 tổng số tiền: 628.831.000đồng (Sáu trăm hai tám triệu tám trăm ba mốt ngàn đồng). Trong đó, tiền gốc: 530.000.000 đồng; tiền lãi: 98.831.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày bản án có hiệu lực cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1 đối với số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và một phần yêu cầu tính lãi.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

Bà Lê Thị V có nghĩa vụ trả cho ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1 số tiền chi phí trưng cầu giám định là 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm ngàn đồng).

Bà Lê Thị V phải chịu 29.153.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Trần Minh T và bà Tạ Thị Thu T1 14.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, theo biên lai số: 60AA/2021/0000780 ngày 13 tháng 4 năm 2022.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện H;
- Đương sự;
- . . . . . ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy